

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: *Giới Xã hội học ngày càng quan tâm đến việc phân tích, đánh giá và khái quát những mối liên hệ giữa tôn giáo và kinh tế. Đây là một chủ đề lớn và tác giả cho rằng những gì đang diễn ra ở Việt Nam với những đặc thù của mình hiện nay cũng có thể cung cấp một cứ liệu có giá trị. Bài viết này mới chỉ bắt đầu tìm hiểu ở phạm vi hẹp là các tác động của thực hành tôn giáo đối với hoạt động kinh tế của hộ gia đình dựa trên các dữ liệu định lượng và định tính thông qua thu thập và xử lý tài liệu. Về cơ bản, chúng tôi muốn góp phần minh chứng rằng những tác động đó đã trở nên rõ ràng hơn cùng với sự phục hồi và phát triển của tôn giáo ở Việt Nam kể từ sau Đổi mới.*

Từ khóa: *Tôn giáo, kinh tế, gia đình, chi phí, nhiệt thành tôn giáo.*

Dẫn nhập

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế bắt đầu được giới khoa học xã hội quan tâm nhiều hơn trong những thập niên gần đây, đặc biệt trong bối cảnh của sự phục hồi tôn giáo trên phạm vi toàn cầu. Đã xuất hiện các công trình nghiên cứu mối quan hệ này trên phạm vi vĩ mô, nhờ tiến bộ của công nghệ và các khối dữ liệu định lượng tạo ra ngày càng phong phú. Ở cấp độ vi mô, cũng xuất hiện các nghiên cứu nhằm chỉ ra những chiều kích của mối quan hệ này, ở những trường hợp rất cụ thể.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học *Hoạt động tín ngưỡng - tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Quốc Tuấn (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 01/02/2018; Ngày biên tập: 10/02/2018; Ngày duyệt đăng: 28/02/2018.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về mối quan hệ của hai lĩnh vực trên rất sôi động kể từ Đổi mới tuy còn ít về số lượng. Các công trình đó chủ yếu mới bước đầu khám phá các mối quan hệ này và rất ít công trình có cơ sở dữ liệu định lượng xuất phát từ các khảo sát trên diện rộng. Sự hiếm hoi các khảo sát xã hội học quy mô lớn đi cùng với sự mỏng manh của các nghiên cứu định tính vốn chưa khái quát rõ dù ở những mô thức tác động khả quan của hai thực tại xã hội này. Những đóng góp về mặt khái quát hiện thực do đó còn rất hạn chế trong khi đây là “mảnh đất” hứa hẹn nhiều khám phá thú vị và ý nghĩa. Một cách thực tiễn, ở phương diện rộng hơn, các nghiên cứu theo hướng này giúp chúng ta hiểu biết rõ hơn vai trò thậm chí rất mới mẻ về thực tiễn của tôn giáo đối với hoạt động kinh tế và ngược lại, do đó là sức sống bền bỉ của tôn giáo trong một xã hội đang được hiện đại hóa mau chóng như Việt Nam.

1. Sơ lược về tác động của tôn giáo đến kinh tế trong Xã hội học đương đại

Xã hội học cổ điển và xã hội học đương đại về tôn giáo đều có những quan tâm đáng kể về mối quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế. Đối với Xã hội học tôn giáo cổ điển, các quan điểm của Karl Marx và Max Weber vẫn còn ảnh hưởng. Trước tiên, cần khẳng định về xuất phát điểm là cả Marx và Weber đều quan tâm đến nguồn gốc của sự phát triển chủ nghĩa tư bản hiện đại. Hai ông có vẻ nhất trí về yếu tố căn bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại: một quá trình duy lý của tích lũy vật chất và vốn dành cho đầu tư để phát triển kinh tế. Weber minh chứng rằng cả hai lĩnh vực này có tác động lẫn nhau¹. Đặc biệt trong tác phẩm “Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, Weber chỉ ra rằng Tin Lành (Reformed Protestantism) bằng việc đề cao các giá trị như lao động chăm chỉ và ý thức tiết kiệm đã dẫn tới thịnh vượng kinh tế.

Tuy nhiên, các nhà xã hội học về sau không tìm được dữ liệu thuyết phục về mối liên hệ giữa việc các quốc gia từ bỏ tôn giáo tộc người và cải theo Kitô giáo lại có sự tăng trưởng thần kỳ về kinh tế. Mặt khác, rất khó thuyết phục rằng nếu đạo đức Tin Lành có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Châu Âu thì điều tương tự sẽ diễn ra ở các nơi khác trên thế giới theo mô hình

kinh tế tư bản chủ nghĩa². Như quan sát của Christoph Basten và Frank Betz, có một thực tế là trong một thời gian rất dài, các nhà kinh tế học thường bỏ qua biến số văn hóa khi phân tích kinh tế, bởi cho rằng nó quá trừu tượng, mơ hồ.

Gần đây, các nhà xã hội học đương đại mới bắt đầu xem xét biến số này một cách thận trọng hơn³. Điều này không dễ dàng và những bằng chứng về sự tác động trực tiếp của tôn giáo đối với phát triển kinh tế thì tỏ ra chưa thực sự thuyết phục. Từ cuối những năm 2000, các nhà kinh tế học Italia đã giới thiệu kết quả nghiên cứu tôn giáo có thể thúc đẩy GDP bằng cách gia tăng niềm tin trong một xã hội cụ thể. Đồng thời các nhà nghiên cứu ở Mỹ cho thấy rằng tôn giáo giảm tham nhũng và tăng sự tôn trọng luật pháp theo những cách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung. Cũng có những nghiên cứu chỉ ra cách thức mà các nhà kinh doanh đã dùng chính nền tảng tôn giáo của mình để thiết lập sự tin tưởng với đối tác làm ăn. Chúng ta có thể nhận định rằng việc dễ dàng tạo dựng được niềm tin thực ra rất có ý nghĩa với hoạt động thương mại bởi nó giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và chi phí cho việc tạo dựng và duy trì những mối quan hệ kinh doanh đáng tin cậy. Đây cũng là một phương diện của lý thuyết xã hội học về vốn xã hội đang được quan tâm nhiều hiện nay.

Trong số các công trình nghiên cứu xã hội học định lượng về quan hệ tôn giáo và tăng trưởng kinh tế, đáng chú ý nhất là nghiên cứu của hai vợ chồng cùng làm việc cho Đại học Harvard, là Robert Barro và Rachel McCleary. Họ đã thu thập dữ liệu từ 59 quốc gia, nơi đa phần dân số theo một trong 4 tôn giáo lớn là Kitô giáo, Islam giáo, Hindu giáo và Phật giáo. Dùng các mô hình thống kê, họ xử lý dữ liệu thu thập trong các năm từ 1981 đến 1999 đo các mức độ về niềm tin vào Thượng đế, Thiên đàng và Địa ngục, vào kiếp sau, việc dự nghi lễ thờ cúng (đây là các niềm tin cơ bản mà họ đều xếp vào “tôn giáo”). Kết quả nghiên cứu của họ cho thấy có mối liên hệ rất mạnh mẽ giữa tăng trưởng kinh tế và những gia tăng nhất định trong niềm tin, dù chỉ ở các quốc gia đang phát triển. Sự gia tăng niềm tin vào “Thiên đàng”, “Địa ngục”, và “kiếp sau” có xu hướng gia tăng phát triển kinh tế. Tiêu biểu nhất, nếu niềm tin vào Địa ngục tăng vượt bậc trong khi tằn

suất đến dự lễ nhà thờ không thay đổi, thì có thể nhận thấy mối liên hệ thuận chiều với tăng trưởng kinh tế⁴.

Một cách gián tiếp, một số nhà xã hội học đương đại bắt đầu xem xét mối liên hệ giữa tự do tôn giáo với phát triển kinh tế. Từ việc xử lý các nguồn tài liệu đa dạng về đóng góp của tôn giáo vào phát triển kinh tế trên phạm vi toàn cầu, Elijah Brown rút ra nhận xét đáng chú ý như sau: tự do tôn giáo⁵ giúp tạo ra các nền kinh tế mạnh hơn, qua bốn cách sau đây: (i) tự do tôn giáo thiết lập cạnh tranh kinh tế (những nền kinh tế kém cạnh tranh là những nền kinh tế yếu); (ii) tự do tôn giáo đóng góp vào tăng trưởng GDP; (iii) tự do tôn giáo giúp giảm thiểu tham nhũng, nhân rộng sự thịnh vượng theo cách bình đẳng hơn; (iv) tự do tôn giáo tạo điều kiện cho các cộng đồng tôn giáo gia nhập thị trường và điều này dẫn đến phát triển kinh tế⁶. Kết quả nghiên cứu này được minh họa khá thú vị với trường hợp nước Mỹ. Ví dụ, riêng quốc gia này, trong năm 2016, theo tính toán của Brian Grim, các doanh nghiệp và tổ chức có liên quan đến tôn giáo cũng như những nhà nguyện mang lại đóng góp cho GDP mỗi năm ở mức khoảng 1,2 ngàn tỷ đô la⁷, nhiều hơn của các công ty như Google, Apple và Amazon cộng lại⁸. Đây rõ ràng là một minh chứng cho tác động tích cực của nhân tố tôn giáo đối với nền kinh tế.

Như vậy, ngày càng có thêm cứ liệu xã hội học quốc tế cho những hướng tác động tích cực của tôn giáo, dù là trực tiếp hay gián tiếp, đến phát triển kinh tế. Ở Việt Nam từ sau Đổi mới, tình hình của tác động này là như thế nào trước sự phục hồi và phát triển của đời sống tôn giáo đã diễn ra vài thập niên qua?

2. Tác động của tôn giáo đối với kinh tế ở Việt Nam

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, giữa hoạt động tôn giáo với hoạt động kinh tế có những mối quan hệ ngày càng rõ ràng hơn. Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập trực tiếp hay gián tiếp đến xu thế “thương mại hóa tôn giáo” do quan sát từ những hành vi đã trở nên công khai nơi không gian công cộng. Đó là muôn hình vạn trạng của việc “buôn thần bán thánh”⁹, là sản xuất hàng hóa và vật phẩm tôn giáo¹⁰ thậm chí ở quy mô lớn, là cung cấp “dịch vụ tâm linh”¹¹ có thu phí, là sự tranh đua tạo ra các kỷ lục trong nước và khu

vực trong xây dựng các địa điểm tôn giáo nhằm thu hút khách du lịch, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các cuộc “du lịch tâm linh”, là sự ưu ái khó che giấu dành cho những nhà hảo tâm của cơ sở tôn giáo, và xu thế tiêu dùng hàng xa xỉ phẩm ở các nhà tu hành chuyên nghiệp.

Nhưng thực tế, cho tới nay, các nghiên cứu về quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế ở Việt Nam còn rất hiếm hoi, ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô. Nguyên nhân có lẽ nằm ở việc không có sẵn những dữ liệu thống kê có thể khai thác được để sử dụng. Chẳng hạn như ở cấp độ vĩ mô, thiếu vắng số liệu các tổ chức tôn giáo lớn và nhỏ nhận được bao nhiêu tiền từ các nguồn quyên góp, tài trợ, tự kinh doanh hay những tính toán về đóng góp của các tổ chức ấy cho GDP. Cũng chưa có những điều tra xã hội học quy mô lớn thiết kế riêng cho chủ đề này. Cũng cần nói thêm rằng trước đây việc các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam thực hiện các hoạt động dân sự trong đó có hoạt động mang lại doanh thu còn rất hạn chế. Điều này liên quan trực tiếp đến vấn đề pháp nhân tôn giáo - cơ sở pháp lý cho phép một tổ chức tôn giáo tham gia các hoạt động dân sự bình thường trong đó có các hoạt động kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận. Tuy thế, vấn đề pháp nhân tôn giáo mới chỉ được giải quyết một cách cụ thể hơn từ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo được thông qua năm 2016 và có hiệu lực từ tháng 1 năm 2018.

Ở cấp độ vi mô, đã có những công trình bắt đầu đề cập đến những tương tác giữa tôn giáo và hoạt động kinh tế. Những công trình này gồm hai nhóm. Nhóm thứ nhất, có rất ít công trình, bàn về quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế, như có thể thấy trong nội dung mà tác giả Đỗ Quang Hưng đề cập hoạt động kinh tế của các tôn giáo ở Việt Nam¹², hay trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc về mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế ở Tây Nguyên từ góc nhìn với xã hội¹³. Nhóm thứ hai đi sâu vào tác động của từng truyền thống tôn giáo cụ thể, thường tìm hiểu ảnh hưởng có tính gián tiếp của giáo lý hay nguyên tắc đạo đức của một truyền thống tôn giáo cụ thể đối với hoạt động kinh tế nơi tín đồ, chẳng hạn như Phật giáo, hay Kitô giáo (ở Việt Nam bao gồm Công giáo và Tin Lành). Đối với Phật giáo, Nguyễn Duy Hình đã có một công trình về Phật giáo với kinh tế, tuy nhiên phần về Việt Nam rất ngắn và có xu hướng nhấn mạnh phương

diện tiêu cực của ảnh hưởng kinh tế thị trường lên Phật giáo¹⁴. Còn ở hướng nghiên cứu về tác động của Phật giáo đối với kinh tế, theo nhận định của Nguyễn Thị Minh Ngọc, đã xuất hiện nhiều nhà nghiên cứu quan tâm khám phá “những yếu tố tích cực của Phật giáo trong phát triển kinh tế”¹⁵. Chính tác giả cũng đã có một số nghiên cứu về vị trí của Phật giáo trong đời sống kinh tế hay các hình thức dịch vụ Phật giáo mang lại doanh thu cho các nhà chùa¹⁶. Đinh Hồng Phúc khi bàn về Cao Đài trong phát triển kinh tế đã chỉ ra rằng “sự cởi mở của Cao Đài là một vốn văn hóa rất tích cực cho sự phát triển kinh tế”¹⁷. Các nghiên cứu này chủ yếu nói đến tác động gián tiếp của tôn giáo. Trong trường hợp Tin Lành giáo, một số nghiên cứu đã chỉ ra những ảnh hưởng trực tiếp hơn của niềm tin và thực hành đối với sự thay đổi đời sống kinh tế của cá nhân tín đồ. Về bản chất, Tin Lành giáo phát triển cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường (tư bản chủ nghĩa). Trong điều kiện được truyền bá và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam trong 20 năm qua, Tin Lành giáo đã được ghi nhận là tạo ra những chuyển biến theo chiều hướng tích cực trong đời sống kinh tế của các gia đình tín đồ, thấy trên ít nhất ba phương diện là giúp người dân: nâng cao nhận thức về nguyên nhân gây nghèo đói; thay đổi thói quen làm kinh tế; hỗ trợ nhau trong sản xuất và gây dựng vốn kinh tế và vốn xã hội¹⁸. Tuy vậy, các nghiên cứu này thường chưa được chuyên sâu, phân tán, và chưa khái quát rõ các xu hướng hay mô thức mà tôn giáo ở các phương diện niềm tin và thực hành tác động vào tư duy và thực tiễn của hoạt động kinh tế nơi tín đồ.

Nhìn từ góc độ xã hội học về quan hệ tôn giáo-kinh tế, cụ thể là tương tác theo hướng xâm nhập và ảnh hưởng lẫn nhau giữa không gian tôn giáo và không gian kinh tế, trong một bài viết đã công bố trước đây chúng tôi đã dự báo về vai trò của tôn giáo trong sự mở rộng không gian kinh tế cũng như cách thức mà không gian kinh tế đang xuyên thấu và biến đổi không gian tôn giáo. Thậm chí chúng tôi đề xuất hai quá trình trái ngược có quan hệ với nhau, tạm gọi là “tôn giáo hóa kinh tế” và “kinh tế hóa tôn giáo”¹⁹.

Quá trình “tôn giáo hóa kinh tế” theo chúng tôi có thể quan sát trên hai phương diện. Thứ nhất là một xu thế của thực hành tôn giáo

để nhằm tìm kiếm sự may mắn, sự “phù hộ độ trì”, cũng như chỉ bảo của lực lượng siêu nhiên trong kinh doanh, làm giàu và duy trì tài sản. Cụ thể hơn thì tôn giáo đang ảnh hưởng tới mức độ mà sự độ trì của thần thánh hay tổ tiên đã trở thành một yếu tố quan trọng của sự thành-bại trong hoạt động làm ăn kinh tế. Người ta đã không thể chỉ dựa vào những phán đoán và tính toán thuần lý trí trong các hoạt động kinh tế mà còn phải lệ thuộc cả vào việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với thần, thánh, Phật, và những người thân đã chết. Thành công trong kinh doanh của thế giới bên này được tin là do có sự hỗ trợ mạnh mẽ của các đại diện của thế giới bên kia. Điều này lý giải cho một thực tế hiện nay là chi tiêu cho việc đi lễ đã thành một khoản chi thường xuyên, buộc phải có, đặc biệt là của giới kinh doanh và tiểu thương. Đồng thời, ngay cả khi thất bại trong kinh doanh và đầu tư thì người ta cũng phải ngay lập tức đi tìm các nguyên nhân phi con người, hay những cản trở của các tác nhân vốn không thuộc thế giới này. Quan niệm đó được thể hiện trong sự cẩn trọng của các nghi lễ động thổ trước khi xây dựng công trình, việc có các thầy tâm linh để có tư vấn về định hướng đầu tư, các chuyên gia phong thủy, cũng như tiền bạc chi cho các đàn cúng sao giải hạn và các chuyến hành hương xa xôi nhằm mục đích xóa đi “vận đen”. Thực tế hiện nay là người càng có nhiều tiền lại càng là người có những khoản tiêu dùng lớn, nhiều khi khó tưởng tượng, cho các dịch vụ giải hạn, lấy lại quan hệ hài hòa với tổ tiên hay thần thánh, và “hồi lộ” những vị “quan lớn” của thế giới bên kia.

Ở phương diện thứ hai, tôn giáo hóa kinh tế cũng có thể xem xét thông qua sự chuyển hướng lý luận về tôn giáo làm kinh tế và sử dụng lợi nhuận kiếm lại được từ phía các tôn giáo lớn. Ngoài ra, ở Việt Nam, gần đây còn có một hiện tượng thú vị, đó là tín đồ chung một cộng đồng tôn giáo giúp nhau làm kinh tế. Tôn giáo còn ảnh hưởng đến kinh tế theo cách là tiền đề để tạo quan hệ theo chiều ngang và sự tin tưởng trong một cộng đồng không chỉ cùng tìm kiếm sự thỏa mãn nhu cầu tôn giáo mà còn gắn kết vì mục đích gia tăng thu nhập. Tôn giáo do đó còn là chất xúc tác cho việc tạo dựng vốn xã hội.

3. Một số tác động của tôn giáo đến hoạt động kinh tế của hộ gia đình

Gia đình hiểu ở đây như một thiết chế văn hóa-xã hội tồn tại trên cơ sở của các quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong xã hội Việt Nam, có thể tồn tại gia đình đa thế hệ, gia đình đầy đủ hay gia đình khuyết thiếu. Ở cấp độ hộ gia đình, hoạt động kinh tế ở mức độ mỗi cá nhân thực ra đều nhằm mục đích cải thiện thu nhập và tích lũy tài sản cho gia đình của mình, do đó, là để phục vụ gia đình. Hoạt động tạo thu nhập và tích lũy tài sản đó tất nhiên chịu tác động của nhiều yếu tố, như năng lực lao động, nhận thức, động cơ, mục tiêu, và bối cảnh kinh tế-chính trị-xã hội nói chung. Nhưng nghiên cứu cho thấy hoạt động ấy cũng có thể bị tác động bởi yếu tố tôn giáo.

Dữ liệu chúng tôi sử dụng ở đây để minh chứng cho nhận định trên lấy từ Đề tài “Hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay”. Đề tài đã tiến hành khảo sát định lượng và định tính tại 6 vùng trên cả nước bao gồm: Vùng núi phía Bắc (*Lào Cai*); đồng bằng và châu thổ Bắc Bộ (*Nam Định*), đồng bằng Trung Bộ (*Quảng Nam, Ninh Thuận*); đồng bằng và châu thổ Nam Bộ (*Cần Thơ*); Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Về định lượng, đề tài thực hiện 1.000 phiếu điều tra với các đối tượng khảo sát, cụ thể bao gồm: các thành viên trong gia đình Việt Nam (gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng) của gia đình thuần túy tôn giáo và những gia đình có hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo; viên chức nhà nước liên quan đến công tác quản lý. Chúng tôi phát hiện thấy ba phương diện của tác động của thực hành tôn giáo đến kinh tế gia đình như dưới đây.

3.1. Gắn tâm quan trọng của thực hiện nghi lễ tôn giáo vào tìm kiếm lợi ích kinh tế

Một xu hướng nổi bật trong tác động của hoạt động tôn giáo đối với hoạt động kinh tế trong cả hai loại hình gia đình nói trên hiện nay là sự coi trọng ngày càng nhiều hơn vai trò của nghi lễ tôn giáo đối với các hoạt động tạo thu nhập. Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy nhiều người được hỏi đã cho rằng một trong những mục đích quan trọng của việc thực hiện hoạt động tôn giáo tại nhà và tại cơ sở tôn giáo là “để cầu

cho công việc làm ăn được thuận lợi”. Bảng số liệu dưới đây cung cấp sự so sánh về tỷ lệ lựa chọn giữa tín đồ của các tôn giáo.

<i>Hỏi: Khi thực hiện hoạt động tôn giáo tại nhà và tại cơ sở tôn giáo, Ông/Bà có mục đích gì? Trả lời: Để cầu cho công việc làm ăn được thuận lợi</i>	Lựa chọn			
	Có	Tỷ lệ	Không	Tỷ lệ
Phật giáo	164	51.9	152	48.1
Công giáo	183	61.4	115	38.6
Tin Lành	161	59.9	108	39.9
Cao Đài	72	47.1	81	52.9
Hòa Hảo	32	32.3	67	67.7
Islam giáo	30	53.6	26	46.4
Tôn giáo truyền thống	119	63.6	68	36.4

Nguồn: Dữ liệu của đề tài

Đáng chú ý nhất là khối tín đồ tôn giáo truyền thống có tỷ lệ đồng ý cao nhất (63%) rằng thực hiện nghi lễ là để cầu cho việc làm ăn được thuận lợi. Điều này cũng phù hợp với luận giải của giới học thuật từ lâu rằng tín đồ tôn giáo truyền thống thường cầu xin thần, thánh, mẫu hay tổ tiên giúp cho giải quyết những vấn đề thường ngày của hiện tại cuộc sống này. Tuy thế, tỷ lệ lựa chọn “có” trong nhóm tín đồ Kitô giáo (Tin Lành và Công giáo) cũng khá cao, trên dưới 60%. Chúng ta biết rằng với Kitô giáo, mối quan tâm tối thượng của tín đồ là sự cứu rỗi và cuộc sống trên Thiên đàng sau khi chết. Việc thực hiện nghi lễ nhằm tìm kiếm thuận lợi cho làm ăn kinh tế gợi ý về tính thực dụng và duy lý trong việc đảm bảo các nhu cầu cuộc sống hiện tại. Đối với tín đồ Tin Lành, việc tạo ra và quản lý của cải vừa là một đòi hỏi về đạo đức, vừa là một cách để minh chứng là người đã được Chúa Trời lựa chọn (chúng tôi sẽ bổ sung thêm thông tin ở dưới).

Nếu xem xét sâu hơn trong tương quan về giới tính của người trả lời và về phân loại gia đình của họ, chúng tôi cũng thấy một số thông tin đáng chú ý.

<i>Hỏi: Khi thực hiện hoạt động tôn giáo tại nhà và tại cơ sở tôn giáo, Ông/Bà có mục đích gì? Trả lời: Để cầu cho công việc làm ăn được thuận lợi</i>			Giới tính người trả lời		Tổng số	Loại hình gia đình		Tổng số
			Nam	Nữ		Đầy đủ	Khuyết thiếu	
Lựa chọn	Có	Số người	279	486	765	585	172	757
		Tỷ lệ	53.4%	56.0%	55.0%	55.8%	53.9%	55.3%
	Không	Số người	243	382	625	464	147	611

	Tỷ lệ	46.6%	44.0%	45.0%	44.2%	46.1%	44.7%
	Số người	522	868	1390	1049	319	319
Tổng	Tỷ lệ	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Nguồn: Dữ liệu của đề tài

Như có thể thấy 55% số người cho biết họ thực hiện hoạt động tôn giáo tại nhà và tại cơ sở tôn giáo là để cầu xin các đối tượng thiêng giúp cho sự thuận lợi trong làm kinh tế. Sự khác biệt giữa nam và nữ trong lựa chọn không đáng kể (53.4% và 56.0%), cho thấy quan niệm về mục đích là tương đối giống nhau. Điều này cũng thấy khi so sánh hai loại hình gia đình đầy đủ và khuyết thiếu (lần lượt là 55.8% và 53.9%). Điều này cho thấy các yếu tố như giới tính hay loại hình gia đình không có tác động nhiều đến mục đích tìm kiếm thuận lợi trong làm ăn kinh tế thông qua hoạt động tôn giáo.

Các thông tin định tính thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu cũng khẳng định sự kết nối tích cực giữa mục đích tìm kiếm thuận lợi trong hoạt động kinh tế thông qua thực hiện nghi lễ tôn giáo. Ông T., 51 tuổi, làm nghề xây dựng ở Hà Nội, là tín đồ tôn giáo truyền thống cho biết nếu làm đúng cách để cho “đáng bề trên”, tức là tổ tiên và thần thánh “hài lòng” thì công việc gì của mình sẽ “thắng lợi”. Làm đúng cách theo ông là đúng trình tự và đúng nghi thức. Trước khi thực hiện các công việc như nhận một dự án, góp vốn đầu tư bất động sản, hay đầu tư một khoản chứng khoán, trước tiên ông đều làm lễ cầu khẩn gia tiên, sau đó là đi lễ ở đình đền thờ thần, thánh. “Không làm lễ trước, cứ thấy không an tâm, do đó mà mất sự tự tin vào kết quả của công việc”, ông cho biết. Ông khẳng định rằng việc sắm lễ chỉ cần theo đúng truyền thống, theo đúng thời điểm (lễ thường với hoa quả tươi vào ngày Rằm và mừng Một; lễ mặn vào ngày quan trọng như giỗ, vía), và “không thêm cũng không bớt” trong khi đó làm lễ thì phải nghiêm cẩn và thành tâm²⁰. Đây là điểm có thể quan sát rõ nhất trong các gia đình thực hành tôn giáo truyền thống nơi mà các nghi lễ thậm chí được xem là điều kiện tiên quyết trước khi thực hiện các hoạt động kinh tế quan trọng. Nhưng thực tế, mục đích xin được hộ trì trong làm ăn kinh tế qua nghi lễ có thể thấy ở các tôn giáo khác. Bà M., 80 tuổi ở Hà Nội, có 3 người con trai đều có vị thế trong các cơ quan nhà nước, cho biết thường xuyên lễ Phật tại nhà và tại các ngôi chùa. Bản

thân bà, chồng, các con trai và con dâu đều đã quy theo Phật giáo. Bà nói: “Bà đã về hưu từ lâu, nhưng luôn xin cho các con làm việc gặp thuận lợi tránh được tai họa do người khác mang lại. Các con chỉ cần giữ được mình như bố (từng là lãnh đạo một cơ quan của nhà nước), kiên quyết không vướng vào tham nhũng tiền của nhà nước là sẽ được an lành, hạnh phúc”²¹.

Thực tế khi thực hiện phỏng vấn sâu, tất cả người trả lời đều thừa nhận luôn cầu xin cho việc làm ăn được thuận lợi bên cạnh sức khỏe dồi dào và gia đình được bình yên. Tuy nhiên, với những người trả lời phiếu không thừa nhận điều này, chúng tôi cho rằng có thể đó là họ còn ngần ngại trong tiết lộ mong muốn tiềm ẩn của mình.

3.2. Gia tăng chi phí gia đình cho hoạt động tôn giáo

Một cách logic, để tăng thu nhập trong điều kiện kinh tế thị trường nhiều cơ hội và cũng nhiều rủi ro, với những người đã đặt nặng tầm quan trọng của thực hành tôn giáo vào làm ăn kinh tế, sẽ có sự gia tăng chi phí cho hoạt động đi lễ và làm lễ. Trên phạm vi rộng lớn, theo một con số ước tính năm 2012, mỗi năm người Việt Nam đốt khoảng 50.000 tấn vàng mã, riêng Hà Nội, số tiền chi vào đốt vàng mã khoảng 400 tỷ đồng²². Vào mùa lễ hội, chi phí cho đi lại, mua đồ lễ, và ăn ở dọc đường, dù không có con số thống kê, cũng rất lớn. Nghĩa là những con số thể hiện cho chi phí cho thực hành tôn giáo là rất đáng kể và vẫn tăng lên. Trong quá trình khảo sát cho đề tài này, chúng tôi đã phát hiện chi phí cho hoạt động tôn giáo gồm hai dạng thức chính là “chi phí về tiền của” và “chi phí về thời gian” trong đó chi phí về thời gian không chỉ bao gồm thời gian cho hoạt động nghi lễ mà còn là những công việc phục vụ tình nguyện tại các cơ sở tôn giáo.

3.2.1. Chi phí về tiền của

<i>Ước tính chi phí cho các hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo của gia đình trong một năm (đơn vị: đồng)</i>	Thông tin chung		Thông tin theo loại hình gia đình			
	Tần số (số người)	Tỷ lệ (%)	Gia đình đầy đủ		Gia đình khuyết thiếu	
			Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Dưới 3.000.000	800	56.9%	574	54.0%	214	67.3%
Từ 3.000.000 đến 6.000.000	213	15.2%	166	15.6%	41	12.9%

Từ 6.000.001 đến 10.000.000	44	3.1%	34	3.2%	8	2.5%
Từ 10.000.001 đến 20.000.000	36	2.6%	29	2.7%	6	1.9%
Trên 20.000.000	36	2.6%	30	2.8%	4	1.3%
Không trả lời	276	19.6%	230	21.6%	275	19.9%
Tổng số	1405	100%	1063		318	

Như có thể thấy, đa số người tham gia trả lời phiếu có chi phí ước tính cho các hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo của gia đình họ ở mức dưới 3.000.000đ/năm. Tính trung bình, mỗi tháng con số sẽ là khoảng dưới 250.000đ. Trong khi đó, có những người cho biết gia đình họ chi tiêu nhiều hơn 20.000.000 đ trong năm qua. Với mức chi nhiều hơn 20.000.000đ/năm, chúng tôi phán đoán đây là nhóm gia đình có thu nhập ổn định hoặc do họ phải chi để ứng phó với sự kiện bất thường (như sẽ trình bày ở dưới đây). Nhìn theo loại hình gia đình, không có sự chênh lệch đáng kể giữa 2 loại hình gia đình ở mức chi trên 3.000.000đ. Mức chi dưới 3.000.000 đồng/năm chiếm tỷ lệ chủ yếu ở cả hai loại hình gia đình. Tuy nhiên, mức chi này ở loại hình gia đình khuyết thiếu chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn (67,3%) so với loại hình gia đình đầy đủ (54%). Tương quan gợi ra một vấn đề đáng suy ngẫm. Rất có thể với các gia đình khuyết thiếu, sự khó khăn về thu nhập thường là cao hơn các gia đình đầy đủ, nghĩa là tính an toàn và ổn định về thu nhập thường sẽ thấp hơn. Việc đầu tư hay gia tăng chi phí cho hoạt động tôn giáo có thể xem như một chiến lược nhằm mang lại sự bù đắp, kể cả về phương diện vật chất thực dụng lẫn phương diện an ổn về mặt tinh thần. Tuy nhiên, điều này không gợi ý rằng với các gia đình khuyết thiếu thì càng khó khăn về làm kinh tế thì người ta càng chi phí nhiều hơn cho hoạt động nghi lễ tôn giáo.

Đáng chú ý, với nhiều gia đình, chi phí cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo đã tăng lên trong các năm qua. Đây cũng là một chỉ báo đáng chú ý cho sự gia tăng lòng nhiệt thành tôn giáo, đồng thời là tầm quan trọng đặt lên thực hành tôn giáo nơi các gia đình.

Thay đổi về mặt chi phí dành cho các hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong gia đình 10 năm qua		Thông tin chung		Theo giới tính				Theo loại hình gia đình			
				Nam		Nữ		Đầy đủ		Khuyết thiếu	
		Tần số (người)	Tỷ lệ (%)		Tỷ lệ (%)		Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Thay đổi	Tăng lên	605	43.4	217	41.7	386	44.2	468	44.2	127	40.6
	Giảm đi	21	1.5	6	1.2	15	1.7	13	1.2	7	2.2

Không thay đổi	692	49.6	271	52.1	421	48.2	523	49.4	160	51.1
Không biết/ Không trả lời	77	5.5	26	5.0	51	5.8	55	5.2	19	6.1
Tổng số	1.395	100	520	100	873	100	1059		313	

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài

Từ bảng trên, nhìn chung có khoảng 50% số người được hỏi cho rằng không có sự cắt giảm trong chi tiêu cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong gia đình, số thừa nhận có cắt giảm chỉ ở mức rất nhỏ, chiếm 1.5%. Trong khi đó có đến 43.4% số người trả lời cho biết gia đình họ có gia tăng chi tiêu cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong 10 năm qua. Đáng chú ý là tỷ lệ cao nhất (44.2%) là ở phụ nữ khi thừa nhận có sự gia tăng chi phí. Rất có thể họ, theo truyền thống, được coi là nắm giữ “chìa khóa ngân sách” của gia đình, đặc biệt trong các khoản chi tiêu thường ngày và không lớn. Nếu xem xét tương quan về loại hình gia đình, số gia đình đầy đủ chiếm tỷ lệ cao hơn trong gia tăng chi phí cho hoạt động tôn giáo. Thông tin này phù hợp thực tế bởi quy mô về số lượng người trong mỗi gia đình thường đòi hỏi mọi chi phí, trong đó có chi phí cho hoạt động tôn giáo, đều cao hơn. Những chi tiết này cung cấp các chỉ báo thú vị về tầm quan trọng của chi tiêu gia đình cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo.

Quá trình khảo sát của chúng tôi cho thấy hai loại chi phí về tiền của cho thực hành tôn giáo bao gồm chi phí thường xuyên và chi phí bất thường. Chi dùng thường xuyên là những khoản chi dùng cho các khoản đã biết trước phục vụ làm lễ tại nhà hay tại các cơ sở tôn giáo mà gia đình gắn bó. Đối với các gia đình thực hành đa tôn giáo, đây là khoản chi thường không nhiều, chỉ dao động từ 50.000 đến khoảng 100.000 đồng/lần thực hiện. Chị H., 43 tuổi, Hà Nội ước tính tiền mua hoa tươi và quả hoặc bánh kẹo thấp hương tại bàn thờ gia tiên mỗi tháng 2 lần mỗi lần hết 50.000 đồng. Trong mỗi tháng chị sẽ đi một địa điểm thờ cúng ngoài gia đình như chùa hoặc phủ, thì cũng tiêu hết số tiền tương tự. Khoản chi tiêu này đã thành thông lệ trong 10 năm qua và được chi dùng như một thói quen. Đối với gia đình thực hành đơn tôn giáo, chi phí có thể nhiều hơn. Bà M., 80 tuổi ở Hà Nội cho biết hàng tháng gia đình bà đều sắm lễ vào ngày Rằm và mừng Một, các sự kiện quan trọng như Lễ Vu lan, ngày Rằm tháng Bảy (âm lịch),

ngày Phật đản. Ngoài ra, gia đình bà còn góp lương thực hàng tháng để hỗ trợ các tăng ni trẻ đang đi học ở Hà Nội. Trong các năm còn trẻ khỏe, bà là hội trưởng của một hội Phật tử tại gia ở khu vực Thanh Xuân Bắc với hàng trăm hội viên. Bà thường đứng ra tổ chức rất nhiều hoạt động cho hội này. Với gia đình cô H. (45 tuổi, Hà Nội), gồm cô, con trai cùng con dâu theo đạo Tin Lành, chi phí cho hoạt động tôn giáo hàng tháng lại không nằm ở sắm lễ hay đóng góp cho Hội thánh, mà chủ yếu là tiền đi làm từ thiện, ở mức trung bình 1 triệu đồng/tháng.

Chi phí bất thường là những khoản chi xuất hiện ngoài dự liệu nhưng được cho là quan trọng đến mức phải thực hiện, bao gồm đóng góp khi xảy ra sự kiện tu bổ hay xây dựng mới các công trình tôn giáo mà gia đình có liên hệ (tại nguyên quán, tại địa phương mình sống, do quan hệ lâu dài với một hoặc nhiều cơ sở tôn giáo nhất định, hoặc được vận động bởi những người chuyên đi quyên góp). Những hình thức này thường không có mức cố định, nhưng khoản đóng góp được gọi là “tùy tâm” vẫn luôn nhiều hơn hẳn so với các chi dùng thường xuyên cho nghi lễ và vật dâng cúng thực hiện tại nhà hay tại cơ sở tôn giáo quen thuộc. Hình thức chi phí bất thường tốn kém nhất là các nghi lễ thực hiện tại nhà hay tại cơ sở tôn giáo khi gia chủ gặp những sự kiện lớn gây xáo trộn cuộc sống bình thường. Các vấn đề này thường bao gồm chuyển nhà, thay đổi công việc, thất bại trong làm ăn, ốm bệnh, có người chết (tai nạn, bệnh tật, hoặc tuổi già), v.v... Cần lưu ý là hình thức chi phí bất thường này thấy nhiều hơn ở các gia đình theo Phật giáo và tôn giáo truyền thống (thờ thần thánh và thờ cúng tổ tiên). Phỏng vấn sâu cho thấy hầu như gia đình thuộc loại này đều có những khoản chi như thế, ít thì 1 triệu đồng, nhiều có thể lên tới 5-7 triệu đồng. Trường hợp nhà bà M. (70 tuổi, Hà Nội) thì theo con trai út, khi bà đi xem bói về đã quyết định chi 120 triệu cho một lễ “phả độ gia tiên”. Trường hợp nhà ông Ph. (60 tuổi, Hải Phòng) khi phát hiện có nhiều gia đình trong dòng họ gặp hoạn nạn, với tư cách trưởng họ, ông đứng ra mời các nhà sư về “chạy đàn” để giải hạn, chi phí hết hơn 200 triệu đồng. Cá biệt như chúng tôi được biết, gia đình ông B. sống ở Hà Nội, sau khi bán được mảnh đất ở phố cổ vốn phải

tranh giành nhiều năm với số tiền thu về hàng chục tỷ đồng, đã về lại quê gốc ở Thái Bình tổ chức “lễ cầu siêu” cho các cụ trong dòng họ. Gia đình mời các thầy cúng và nhà sư ở Hà Nội về làm lễ suốt 2 ngày 2 đêm, cơm cỗ phục vụ đầy đủ cho hầu hết cả làng, đốt hết hai xe ô tô vàng mã, tổng chi phí hết 800 triệu đồng. Những khoản chi bất thường cho hoạt động “tâm linh” này được lý giải là “rất cần thiết”, quan trọng không kém việc chi tiền cho chạy chữa những vấn đề “thể tục” như bệnh tật nếu gia đình có người ốm, chạy xin giám án nếu gia đình có người vướng vào lao lý, lo công ăn việc làm hay cưới gả cho con cái đã đến tuổi trưởng thành.

Nếu so sánh rộng hơn giữa các nhóm tín đồ, quan điểm về chi phí cho hoạt động tôn giáo, dù là thường xuyên hay bất thường, được nhìn nhận không phải luôn giống nhau. Với những gia đình thực hành tôn giáo truyền thống, việc dành các khoản chi tiêu cho nghi lễ hay làm từ thiện trong nhiều trường hợp được xem là một sự chia sẻ hay phân phối lại những lợi nhuận mình thu được nhằm tiếp tục đảm bảo an sinh cho gia đình trong tương lai. “Lộc bất tận hưởng” hay “phải tán lộc” là những tiêu chí cho chi phí làm nghi lễ với mục đích sau cùng vẫn là để đảm bảo sự bền vững về thu nhập của gia đình mình. Một cách logic, khi có “lộc” thì mới “tán lộc”, và “lộc nhiều” thì “tán lộc cũng nhiều hơn”. Trong khi đó với tín đồ Kitô giáo, việc chi phí cho tôn giáo đặc biệt là làm từ thiện và đóng góp tiền của cho Nhà thờ hay Hội Thánh được xem là một khoản thường xuyên và ổn định, đồng thời phản ánh tiêu chuẩn đạo đức của người “có đạo”. Chị Ph. (làm việc cho tổ chức phi chính phủ, 42 tuổi, gia đình đơn thân, Hà Nội) cho biết chị lập một nhóm định kỳ đi giúp đỡ người nghèo khó và chị dành cho công việc đó một phần thu nhập của mình. Nhưng chị giải thích rằng đó không phải công việc để “tích phước” hay là “tán lộc để rồi lại có nhiều lộc hơn” như thấy ở tín đồ của truyền thống tôn giáo khác. Chị nói: “Với chúng tôi, đơn giản là Chúa bảo đây là điều phải làm. Thấy việc lành mà không làm thì đó là tội lỗi. Hoặc là con có hai cái áo thì con sẽ cho người khác một cái”. Sự khác biệt trong nhìn nhận về mục đích cho hoạt động tôn giáo, dù đều có tính duy lý, có ảnh hưởng đến tần suất và quy mô của chi phí cho hoạt động đó.

3.2.2. Chi phí về thời gian

Xu hướng đáng chú ý khác là sự gia tăng thời gian dành cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo. Về mặt quỹ thời gian 24 giờ một ngày, ngoài nghỉ ngơi và thư giãn, việc duy trì hay gia tăng thu nhập trong gia đình phần nhiều dựa vào thời gian dành cho các hoạt động sản xuất. Sự gia tăng thời gian dành cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo do đó lấy đi phần nào thời gian dành cho hoạt động sản xuất vốn trực tiếp tạo ra của cải. Trong quá trình khảo sát trực tiếp tại các cơ sở tôn giáo vào thời giờ hành chính, chúng tôi gặp rất nhiều người làm lễ đang ở độ tuổi lao động. Chúng tôi đã hỏi về sự thay đổi trong chi phí về mặt thời gian cho hoạt động tôn giáo và thu được kết quả như sau:

Thay đổi về mặt thời gian dành cho các hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong gia đình 10 năm qua		Tần số (người)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ theo giới tính			
				Nam	Tỷ lệ	Nữ	Tỷ lệ
Thay đổi	Tăng lên	644	46.0	210	40.3%	433	49.4%
	Giảm đi	25	1.8	9	1.7%	16	1.8%
	Không thay đổi	671	47.9	278	53.4%	392	44.7%
	Không biết/ Không trả lời	60	4.3	24	4.6%	36	4.1%
	Tổng số	1400	100.0	521	100	877	100

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài

Bảng số liệu trên cho thấy có tới 46% người tham gia trả lời bảng hỏi khẳng định có sự gia tăng về mặt thời gian dành cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo của gia đình. Chỉ 1,8% nhìn nhận về sự giảm đi trong khi 47,9% cho rằng không có sự thay đổi gì. Nếu xem xét tương quan giới tính, thì vấn đề thú vị là có tới gần 50% số phụ nữ được hỏi trả lời gia đình có sự tăng lên về thời gian cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong khi đó tỷ lệ ở nam giới là 40%. Trong thực tế, hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo của gia đình ở Việt Nam, vai trò của người phụ nữ ngày càng trở nên quan trọng, cụ thể trong ghi nhớ và nhắc nhở về các sự kiện quan trọng, chuẩn bị nghi lễ, và thực hiện nghi lễ khi không có người đàn ông ở nhà, và thường đóng vai trò chính trong việc thực hiện nghi lễ ở ngoài gia đình. Đóng nhiều vai trò như vậy, họ cung cấp thông tin ước lượng về thay đổi chi phí về thời gian cho hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo của gia đình đáng tin cậy hơn.

Sự gia tăng chi phí về mặt thời gian này có thể luận giải thế nào? Nhiều người tham gia phỏng vấn sâu đều bắt đầu bằng “phú quý sinh lễ nghĩa”, nghĩa là khi gia đình trở nên dư dả về thu nhập, thì có điều kiện thực hiện các nghi lễ thường xuyên hơn. Việc gia tăng thời gian cũng có thể có lý do thực tiễn khác. Vợ chồng anh H. (ngoài 30 tuổi) ở Hà Nội nhưng có một số cửa hàng bán vật liệu xây dựng ở Hà Nam cho biết: “Thời gian đi lễ tăng lên, bởi ngày càng biết có nhiều điểm đi lễ đi lễ hơn. Điểm nào càng đông người đến thì càng thiêng. Đi lễ về thấy cửa hàng của mình làm ăn tốt hơn”²³. Như vậy, việc gia tăng thời gian cho nghi lễ đặc biệt thấy ở những người tin và thực hành tôn giáo truyền thống còn có lý do từ việc gắn với đặc thù nghề nghiệp. Những người làm buôn bán kinh doanh rất quan tâm đến việc thực hiện cúng lễ thường xuyên ở các địa điểm thờ thần, thánh và thậm chí đi lễ xa như là một thể nghiệm về sự linh ứng, với mục đích việc kinh doanh được thuận lợi hơn đồng thời tránh được rủi ro.

Tóm lại, đối với kinh tế hộ gia đình, chi tiêu là một phần quan trọng, thậm chí có tính quyết định đối với sự phát triển lâu dài. Chi tiêu cho hoạt động tôn giáo nếu ngày càng tăng thì rõ ràng điều này hàm ý sự trông đợi vào “hiệu quả” của sự “chi tiêu” hay “đầu tư” đó. Nhưng khoản chi về tiền bạc hoàn toàn có thể là gánh nặng cho kinh tế gia đình, đặc biệt với các gia đình có thu nhập thấp và không ổn định. Ngoài ra, chi phí bất thường cho nghi lễ sẽ là một nỗi lo đáng kể về tiền bạc, dù thường là các gia đình như thế sẽ không nghĩ đến việc từ chối. Chi phí về thời gian cho lễ nghi cũng có nghĩa là gia đình phải cắt bớt đi thời gian dành cho lao động và tạo thu nhập, tức là cũng gián tiếp ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Như thế, gia tăng chi phí cho nghi lễ nơi hộ gia đình chủ yếu xuất phát từ mong cầu nhiều hơn sự may mắn và hộ trì, cũng như tránh đi tối đa sự trừng phạt của các lực lượng thiêng.

3.3. Tự đánh giá về mức độ hài lòng của sự gia tăng chi phí

Tất nhiên, dành một khoản chi phí đáng kể về thời gian, tiền bạc, nhân công lao động cho hoạt động như xây nhà thờ họ, tôn tạo các công trình thờ cúng của cộng đồng, thực hiện các nghi lễ thường xuyên hay bất thường, đều được xem như một khoản “đầu tư” và

người ta sẽ chờ đợi các kết quả có thể kiểm nghiệm được. Chúng tôi đã hỏi người dân về sự tự đánh giá tác động hay sự hài lòng của kết quả hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo đến kinh tế của gia đình. Dưới đây là kết quả.

<i>Theo ông/bà, tôn giáo có thể giúp làm kinh tế tốt hơn không?</i>	Đồng ý (số người)	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý (số người)	Tỷ lệ (%)
Số liệu chung các tôn giáo	511	37.5	853	62.5
Phật giáo	102	31.7	208	32.9
Công giáo	115	39	179	60.9
Tin Lành	135	50.8	131	49.2
Cao Đài	37	25	111	75
Hòa Hào	45	45.9	53	54.1
Islam giáo	20	35.7	36	64.3
Tôn giáo truyền thống	53	30.1	123	69.9

Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài

Dữ liệu trên cho thấy hơn một phần ba số người được hỏi (37,5%) cho đánh giá tích cực về vai trò của tôn giáo đối với hoạt động kinh tế của gia đình. Đáng chú ý, nhóm các tín đồ thuộc đạo Tin Lành cho thấy kết quả đồng ý rằng tôn giáo có giúp làm ăn kinh tế tốt hơn cao nhất, với trên 50%.

Vậy người trong cuộc luận giải thế nào về tác động tích cực quan sát được. Các dữ liệu phỏng vấn sâu cung cấp một số thông tin như sau: Ông X. (65 tuổi, nam, Hà Nội) cho biết sau khi xây xong nhà thờ của dòng họ và thực hiện các nghi lễ cần thiết (tốn hơn 1 tỷ đồng), “thấy sự chuyển biến trong làm ăn kinh tế của cả họ. Mọi gia đình làm ăn tốt hơn, ít bị thất thu. Đồng thời, có sự chuyển biến về ý thức trong dòng họ, mọi người lắng nghe nhau hơn, tính cách nó thuần đi. Trẻ em bớt hư hỏng đánh nhau. Có việc riêng hay việc của chung của dòng họ, các gia đình đều đến thắp hương và trình bày trước bàn thờ họ. Mọi người vì thế, gắn bó với nhau hơn, thể hiện ý thức trách nhiệm với nhau rõ hơn”. Với hầu hết những người đi lễ tại chùa hay đình, đền, miếu, phủ mà chúng tôi tiếp cận được trong quá trình điền dã, câu trả lời là “thấy yên tâm”/ “an tâm”/ “tĩnh tâm” mà từ đó “tập trung làm kinh tế” tốt hơn. Một nữ 40 tuổi ở Hà Nội cho biết mình có công việc kinh doanh riêng và thường đi lễ tại Phủ Tây Hồ. Việc đi lễ là có tác dụng với làm kinh tế. Chị lý giải: “Mình càng lễ và góp tiền công đức

nhiều thì càng được các cụ soi chiếu đến nhiều hơn. Tưởng tượng các cụ như ông Trời, soi xét từ trên xuống. Mình làm gì các cụ đều biết hết”. Trong trường hợp gia đình bà M. có cả nhà theo Phật giáo như đã nói ở trên, người con trai cả từng làm Tổng giám đốc một công ty lớn của một Bộ nơi bố của bà từng làm việc. Chính nhờ theo gương bố và tin vào sự vận hành của luật nhân-quả và nghiệp báo của Phật giáo mà người con trai cả kiên quyết không vi phạm pháp luật, do đó không bị vướng vào mạng lưới của những đồng nghiệp cố tình làm sai nguyên tắc, bây giờ đều đã phải ra tòa và ngồi tù vì tội tham nhũng. Ở đây, sự tác động của niềm tin tôn giáo đến hành vi tạo thu nhập của một cá nhân theo chiều hướng giúp người đó duy trì đạo đức và do đó mà bảo vệ được vị trí làm việc, thu nhập và danh tiếng của mình cũng như của gia đình.

Kết luận

Phần nội dung trình bày trên dựa trên dữ liệu định lượng và định tính đã chỉ ra rằng tác động của thực hành tôn giáo đến hoạt động kinh tế hộ gia đình có thể quan sát trên 3 phương diện: các gia đình ngày càng coi trọng việc thực hiện nghi lễ trước khi thực hiện hoạt động kinh tế; có sự thay đổi theo hướng gia tăng trong chi phí (tiền của và thời gian) cho hoạt động nghi lễ vì mục đích thúc đẩy hiệu quả làm ăn kinh tế; và có sự thừa nhận tích cực về mức độ hiệu quả và sự hài lòng của việc thực hiện nghi lễ đối với hoạt động kinh tế. Những dữ liệu mà chúng tôi cung cấp cũng gợi ý rằng khi có điều kiện kinh tế tốt hơn, các gia đình có xu thế tăng chi phí cho hoạt động tôn giáo và có sự liên hệ giữa sự gia tăng lòng nhiệt thành với tôn giáo mình tin theo và sự gia tăng chi phí nói trên cho các hoạt động tôn giáo.

Chắc chắn còn nhiều phương diện khác nữa của tác động tôn giáo đối với hoạt động kinh tế còn có thể chỉ ra. Hi vọng các nghiên cứu trong tương lai sẽ giúp làm rõ hơn chủ đề thú vị nhưng nhiều thách thức này. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Christoph Basten và Frank Betz (2011), Marx vs. Weber: Does religion affect politics and the economy? European Central Bank, p. 10, truy cập tại:

- <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1393.pdf?3eb6ae9da5af6572b3a10df4aa38bf2f>, ngày 26 tháng 1 năm 2018.
- 2 Michael Fitzgerald (2009), *Satan, the great motivator: the curious economic effects on religion*, truy cập ngày 02 tháng 5, 2016, tại: http://archive.boston.com/bostonglobe/ideas/articles/2009/11/15/the_curious_economic_effects_of_religion/
 - 3 Christoph Basten và Frank Betz (2011), Bài đã dẫn, p. 7.
 - 4 Robert J. Barro and Rachel M. McCleary (2003), *Religion and Economic growth*, National Bureau of Economic Research, pp. 35-38.
 - 5 Tự do tôn giáo ở đây được hiểu là hầu như thiếu vắng sự thù địch vì lý do tôn giáo (giữa các nhóm tôn giáo hoặc người có tôn giáo và người không có tôn giáo) cũng như sự giảm thiểu tối đa những hạn chế từ phía Chính phủ - HVC.
 - 6 Elijah Brown (2017), “Religious freedom grows economies and stabilizes countries”, Tham luận tại Hội thảo quốc tế *Đổi thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Glocal.net, Hà Nội, 4/2017.
 - 7 Brian Grim and Melissa Grim (2016), The Socio-economic Contribution of Religion to American Society: An Empirical Analysis. *Interdisciplinary Journal of Research on Religion*, Vol. 12.
 - 8 Kelsey Dallas (2016), “Economic impact of religion: New report says it’s worth more than Google, Apple and Amazon combined”. *Deseret News Faith*. truy cập tại: <https://www.deseretnews.com/article/865662454/Economic-impact-of-religion-New-report-says-its-worth-more-than-Google-Apple-and-Amazon-combined.html>, ngày 30 tháng 01 năm 2018.
 - 9 Đặng NghiêM Vạn (2000), “Năm 2000, năm chuẩn bị bước vào Thiên niên kỷ mới”. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1: 9.
 - 10 Laurel Kendall. (2011), Gods, gifts, markets, and superstition: Spirited consumption from Korea to Vietnam. In Kirsten W. Endres & Andrea Lauser (eds), *Engaging the Spirit World: Popular beliefs and practices in modern Southeast Asia*. New York: Berghahn Books, pp. 103-120.
 - 11 Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), Dịch vụ Phật giáo: Hoạt động mang tính dân gian và là cách thức giải quyết nhu cầu tâm linh tín đồ của Phật giáo Việt Nam đương đại (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội). Trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 67-90.
 - 12 Đỗ Quang Hưng (2013), *Chính sách tôn giáo và Nhà nước pháp quyền*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội: 374-376.
 - 13 Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), “Mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế ở Tây Nguyên từ góc nhìn với xã hội”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 8 (134): 44-50.
 - 14 Nguyễn Duy Hinh (2008), “Phật giáo với kinh tế: Xưa và nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1: 17.
 - 15 Nguyễn Thị Minh Ngọc (2015), Phật giáo trong đời sống kinh tế. Trong: Tạ Ngọc Tấn (chủ biên) *Văn hóa tôn giáo với vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội: 379.
 - 16 Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), Bđd: 67-90.
 - 17 Đinh Hồng Phúc (2013), “Đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế: Nhìn từ góc độ giáo lý”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 3: 48.
 - 18 Trương Huyền Chi (2010), “Họ nói đồng bào không biết quý sự học”: Những mâu thuẫn trong giáo dục ở vùng đa dân tộc Tây Nguyên, Việt Nam, in trong *Hiện đại*

- và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 381-382; Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014, Bài đã dẫn); Bùi Quốc Phong, Nguyễn Trọng Bình (2015), Tổng quan về những giá trị, đóng góp của đạo Tin Lành tại Việt Nam, tham luận hội thảo *Giá trị, vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội, tr. 263; Lê Văn Tuyên (2014), Vai trò của tôn giáo trong sự phát triển bền vững Tây Nguyên: Trường hợp Tin Lành, tham luận *Hội thảo khoa học: Tôn giáo với phát triển bền vững Tây Nguyên: quan điểm và giải pháp*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội, tr. 214; Nguyễn Quang Hưng (2015). “Bàn thêm về nguyên nhân theo Tin Lành của một bộ phận người Hmông”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 25-28; Trần Thị Phương Anh (2016). “Mối quan hệ giữa yếu tố lợi ích, bối cảnh sống và lựa chọn niềm tin tôn giáo: Trường hợp đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay”, *Khoa học xã hội và nhân văn*, số 1.
- 19 Xem: Hoàng Văn Chung (2015), “Làm giàu với thần thánh: Tôn giáo và sự mở rộng không gian kinh tế ở Việt Nam: Tiếp cận Xã hội học”, Trong *Văn hóa tôn giáo và sự phát triển bền vững ở Việt Nam*, (Tạ Ngọc Tấn chủ biên), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội: 59-80.
- 20 Phòng vấn sâu, Hải Dương, 02/9/2017.
- 21 Phòng vấn sâu, Hà Nội, ngày 30/11/2017.
- 22 Tham khảo: Song An-Minh Phan. Mỗi năm có hàng trăm tỉ đồng bị đốt vì vàng mã. Truy cập tại: <http://dulich.dantri.com.vn/du-lich/moi-nam-co-hang-tram-ti-dong-bi-dot-vi-vang-ma-843266.htm>, ngày 12 tháng 11 năm 2017.
- 23 Phòng vấn sâu, Hà Nội, ngày 01/11/2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Phương Anh (2016), “Mối quan hệ giữa yếu tố lợi ích, bối cảnh sống và lựa chọn niềm tin tôn giáo: trường hợp đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay”, *Khoa học xã hội và nhân văn*, số 1.
2. Brian Grim and Melissa Grim (2016), The Socio-economic Contribution of Religion to American Society: An Empirical Analysis. *Interdisciplinary Journal of Research on Religion*, Vol. 12.
3. Trương Huyền Chi (2010), “Họ nói đồng bào không biết quý sự học”: Những mâu thuẫn trong giáo dục ở vùng đa dân tộc Tây Nguyên Việt Nam, in trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Christoph Basten và Frank Betz (2011), Marx vs. Weber: Does religion affect politics and the economy? European Central Bank, truy cập tại: <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1393.pdf?3eb6ae9da5af6572b3a10df4aa38bf2f>, ngày 26 tháng 1 năm 2018.
5. Hoàng Văn Chung (2015), Làm giàu với thần thánh: Tôn giáo và sự mở rộng không gian kinh tế ở Việt Nam: Tiếp cận Xã hội học. Trong: Tạ Ngọc Tấn (chủ biên), *Văn hóa tôn giáo và sự phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

6. Elijah Brown (2017), Religious freedom grows economies and stabilizes countries. Tham luận tại Hội thảo quốc tế: *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Glocal.net, Hà Nội, 4/2017.
7. <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecbwp1393.pdf?3eb6ae9da5af6572b3a10df4aa38bf2f>, ngày 26 tháng 1 năm 2018.
8. Nguyễn Duy Hình (2008), “Phật giáo với kinh tế: Xưa và nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
9. Đỗ Quang Hưng (2013), *Chính sách tôn giáo và Nhà nước pháp quyền*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Quang Hưng (2015), “Bàn thêm về nguyên nhân theo Tin Lành của một bộ phận người Hmông”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
11. Kelsey Dallas (2016), “Economic impact of religion: New report says it's worth more than Google, Apple and Amazon combined”. *Deseret News Faith*. truy cập tại: <https://www.deseretnews.com/article/865662454/Economic-impact-of-religion-New-report-says-its-worth-more-than-Google-Apple-and-Amazon-combined.html>, ngày 30 tháng 1 năm 2018.
12. Lauser Kendall. (2011), Gods, gifts, markets, and superstition: Spirited consumption from Korea to Vietnam. In Kirsten W. Endres & Andrea Lauser (eds), *Engaging the Spirit World: Popular beliefs and practices in modern Southeast Asia*. New York: Berghahn Books.
13. Michael Fitzgerald (2009), "Satan, the great motivator: the curious economic effects on religion", truy cập ngày 2 tháng Năm 2016, truy cập tại: http://archive.boston.com/bostonglobe/ideas/articles/2009/11/15/the_curious_economic_effects_of_religion/, ngày 30 tháng 1 năm 2018.
14. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), Dịch vụ Phật giáo: Hoạt động mang tính dân gian và là cách thức giải quyết nhu cầu tâm linh tín đồ của Phật giáo Việt Nam đương đại (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội). Trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), “Mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế ở Tây Nguyên từ góc nhìn với xã hội”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 8 (134).
16. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2015), Phật giáo trong đời sống kinh tế. Trong: Tạ Ngọc Tấn (chủ biên) *Văn hóa tôn giáo với vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Bùi Quốc Phong, Nguyễn Trọng Bình (2015), Tổng quan về những giá trị, đóng góp của đạo Tin Lành tại Việt Nam, tham luận hội thảo: *Giá trị, vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
18. Đinh Hồng Phúc (2013), “Đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế: Nhìn từ góc độ giáo lý”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 3.
19. Robert J. Barro and Rachel M. McCleary (2003), *Religion and Economic growth*, National Bureau of Economic Research.
20. Lê Văn Tuyên (2014), “Vai trò của tôn giáo trong sự phát triển bền vững Tây Nguyên: trường hợp Tin Lành”, tham luận Hội thảo khoa học: *Tôn giáo với phát triển bền vững Tây Nguyên: quan điểm và giải pháp*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.

21. Song An-Minh Phan. *Mỗi năm có hàng trăm tỉ đồng bị đốt vì vàng mã*, Truy cập tại: <http://dulich.dantri.com.vn/du-lich/moi-nam-co-hang-tram-ti-dong-bi-dot-vi-vang-ma-843266.htm>, ngày 12 tháng 11 năm 2017.
22. Đặng Nghiêm Vạn (2000), “Năm 2000, năm chuẩn bị bước vào Thiên niên kỷ mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.

Abstract

SOME IMPACTS OF RELIGIOUS PRACTICES ON THE HOUSEHOLDS' ECONOMIC ACTIVITIES IN VIETNAM TODAY

The contemporary Sociology is increasingly interested in analyzing, evaluating and outlining the relationship between religion and the economy. This is a great topic and according to the author what is happening in Vietnam with its own characteristics can also provide valuable data. This paper initially explores the impacts of religious practices on the households' economic activities based on quantitative and qualitative data. Basically, the author proves that these effects have been more manifest along with the restoration and development of religion in Vietnam since the Renovation.

Keywords: Religion, economy, family, expense, piety.